

中國·復旦大學文史研究院
越南·漢喃研究院

合編

越南漢文燕行文献集成

(越南所藏編)

第十册

中國·復旦大學文史研究院
越南·漢喃研究院 合編

越南漢文燕行文献集成

(越南所藏編)

第十冊

編纂委員會

中方主編

葛兆光

越方主編

鄭克孟

中方編委

葛兆光
賀聖達

汪涌豪

陳正宏

韓結根

越方編委

鄭克孟
丁克順

黎秋香

王氏紅

范玉紅

第十冊目錄

北行襍錄	阮朝・阮攸撰	一
使程諸作	阮朝・阮攸撰	八五
使程雜詠	阮朝・潘輝湜撰	一〇五
北行偶筆	阮朝・丁翔甫撰	一二一
華輶吟錄	阮朝・潘輝注撰	一七一

北
行
襍
錄

北行襍錄

阮朝·阮攸 撰

《北行襍錄》不分卷，漢喃研究院藏鈔本，編號A1494。

阮攸（一七六五—一八二〇），字素如，號清軒，河靜省宜春縣仙田社人。阮氏爲越南望族，攸兄倬仕西山朝，光中、景盛年間曾兩度使華，傳略見本叢書所收《華程消遣集》提要。阮攸以父蔭封弘信大夫、衛尉出身，秋岳伯，並曾在西山朝三領鄉薦。入阮朝後，由知芙蓉縣，歷常信府知府、東閣學士，封攸德侯，官至禮部右侍郎、參知政事。嘉隆十二年（清嘉慶十八年，一八一三）他北使中國，明命元年（嘉慶二十五年，一八二〇）再任求封部正使，未行，以病卒於京邸。攸父兄叔侄皆以文名，國人以『鴻山文派』稱之，而阮攸爲其翹楚，漢文詩集有《清軒詩集》、《南中雜吟》、《北行襍錄》等，而其最著名的作品，則是以喃文寫作的六八體長詩《金雲翹傳》。

《北行襍錄》是清嘉慶十八年（一八一三）阮攸以正使身份北使中國納貢期間撰寫的詩集，據書中《太平城下聞笛》『二十七人共回首，故鄉已隔萬重山』句，可知此行越方共有二十七人。由於阮攸身經後黎、西山、阮朝三朝更迭，家國飄零，故北使啓程道經越南昇隆、諒城等地，記被遣宮人、家伎乃至舊友的流落，每寓難言之隱衷。而進入中國境內，其作亦多咏懷古跡，所咏對象幾乎全與朝代興廢及遺老孤臣相關。這些古跡多已頹敗不堪，使阮攸頻頻發出『共道中華尚節義，如何香火大淒涼』（《桂林瞿閣部》）、『可憐世代相更迭，不及蠻夷一老夫』（《趙武帝故境》）之類的

感慨。

阮攸筆下的嘉慶王朝，與能包庇萬民，許以安居，並表率四夷的泱泱大國風格頗不相類。《太平賣歌者》記『殫盡心力幾一更，所得銅錢僅五六』的流浪藝人生活，因嘆息『只道中華盡溫飽，中華亦有如此人』。《阻兵行》寫湖南、河南『大男小女盡饑色，糠粃爲食藜爲羹。眼見餓莩死當道，懷中棗子身邊傾』，則令人有觸目驚心之感。

然而對使節的招待規格，仍然至爲靡費。這由阮攸記一路燕行所受招待，最多者爲飲食，即可推斷：『君不見使船朝來供頓例，一船盈肉米。行人飽食便棄餘，殘肴冷飯沉江底。』（《太平賣歌者》）『昨宵西河驛，供具何張皇。鹿筋雜魚翅，滿卓陳豬羊。長官不下筯，小們只略嘗。潑棄無顧惜，鄰狗厭膏粱。』（《所見行》）不過在《廣濟記勝》一詩中，除了『玉手胡姬鱸細鱗』外，他還記錄了『漆盆浴店傾肥皂』。

比較有意思的是，當阮攸用來自異域的眼光仔細打量中國的時候，中國也用好奇的眼光打量着他，於是，《蒼梧竹枝歌十五章》中既有『黃花閨女貪行樂，跳出船頭不避人』，又有『生面相逢無畏避，匏犀微露笑南夷』。此外，一如許多燕行使者通過『反復題咏沿途名剎表現出對中國佛教的瞭解和興趣，阮攸的《梁昭明太子分經石臺》一詩也反映出，雖然在地域上越南與南傳佛教更爲接近，然而他們主要接受的，卻是來自中國的北傳佛教的影響。

（華 蕾）

北行襍錄

1991



A.7494

LỜI NHẬN XÉT về quyển Bắc hành tạp lục

Quyển sách này (Thư viện Khoa học số A 1494) gồm hai phần: phần đầu là "Bắc hành tạp lục" và Phần Phụ lục là "Cao Mẫn hiền Tiên sinh thi". Chúng ta biết Cao Mẫn hiền tức là Cao bá Quát. Ông Bắc hành tạp lục, vì không ghi rõ tên hoặc hiệu của tác giả nên không rõ đó là của ai. Xét qua các bài thơ ca chép ở trong tập tạp lục thì đó là những tác phẩm của Nguyễn Du, tác giả Truyện Kiều.

Theo bản Thư phả họ Nguyễn Tiên hiền thì Nguyễn Du có để lại ba tập thơ chữ Hán: Thanh niên thi tập, Nam trung tạp ngâm và Bắc hành tạp lục. Vậy về tên gọi thì tập Bắc hành tạp lục nổi trên của Thư viện Khoa học quả là của Nguyễn Du. Xét về nội dung thì trong tập này có nhiều bài cũng có chép trong Thanh niên thi tập. Số lỗi các bài số đã được nhiều sách nói đến. Hơn thế nữa, năm 1959, các bài số đã được dịch ra tiếng Việt, do nhà Xuất bản Văn học xuất bản dưới nhan đề: Thơ chữ Hán của Nguyễn Du. Ngay bài Long thuyền cần gió ca ở đầu tập Bắc hành tạp lục, và nhiều bài khác nữa cũng được chép toàn văn trong quyển Thanh niên thi tập của Vụ Bảo tồn Bảo tàng, ký hiệu HVE 50 như nói ở "Lời nói đầu" đặt trước quyển "Thơ chữ Hán của Nguyễn Du" nói trên.

Với những bằng chứng kể trên, chúng ta thấy rõ quyển Bắc hành tạp lục chép tay của Thư viện Khoa học, ký hiệu A1494, quả là của Nguyễn Du, không còn nghi ngờ gì nữa. Tôi sẽ nghĩ Thư viện ghi tên tác giả vào dưới đề mục tập thơ để đọc giả khỏi bỏ ngỡ, thất lạc.

Nhân tiện xin nói thêm rằng những số hiệu bằng bút chì đỏ hoặc xanh, ghi trên mỗi bài thơ không được thận trọng, đáng kể cho lắm. Thí dụ ở trang 24-b, từ ghi số 90 và 91 rồi, nhưng ở trang 25-b và 26-b lại ghi số 90 và 91 một lần nữa, không hiểu vì lẽ gì. Lại ở trang 29-b đề số 102, nhưng sang trang 30-a ngay sau đó thì đề 113 và 114 ... Như thế là đề nhảy mất 11 số, cũng không hiểu vì lẽ gì. Vì có những sai lầm đó nên con số ghi các bài thơ ca lên tới 135, nhưng thực ra thì hình như chỉ có 126 bài, không kể bài cuối cùng không có đề mục, chỉ là không phải của Nguyễn Du.

Hà-nội, ngày 10-2-1963

LÊ THƯOC

Vụ Bảo tồn Bảo tàng

Lời cảm tạ và thành mình của nhóm thư mục Hán nôm.
Chúng tôi cảm tạ cụ Lê Thuộc đã phát hiện được tài giá
của sách này, và chỉ dẫn cho biết những sai sót về chữ số
đánh số bài thơ ở cuối này. Các người làm việc giới thiệu
sách này như thư mục Hán nôm, không ai ghi số bài thơ như
thế. Đó là do một đỗi giá nào thiếu ý thức tôn trọng nội
quy của thư viện, nên từ tiền ghi biết chỉ xâu đỏ vào sách
của thư viện như vậy thôi. Mong các vị đỗi giá lần sau
này làm giống, để các ý thức tôn trọng nội quy của thư viện,
ngày 20-2-1963
Cụ. tư. Thư. Lê Thuộc
nhóm thư mục Hán nôm.

北行襍錄 附高敏軒集

龍城渠者小引

龍城渠者不知姓氏聞其幼年從學撥阮於黎宮
花嬪部中西山兵起舊樂死散人其流落市廛技
技以邀屬散部所彈皆御前供奉曲非外人所聞
遂稱一時孫^維技余少時探兄抵京旅宿鑑湖店其
傍西山諸臣大集女樂名姬不下數十其人以獨
阮聲炫塲頗能歌作排諧語一坐盡顛倒數賞以
大白輒盡纏頭無筭金帛委積滿地余時匿身暗

中不甚明白、後見之、兀處、短身、潤臉、額西起、面凹、不甚麗、臙白而體豐、善修飾、浹衣濃粉、衣以紅翠、綃裳、綽綽然有餘韻、性善飲、喜浪蕩、眼矐又、眶中、無一人、與家兄、每飲、輒盡醉、嘔吐狼藉、卧地上、同輩非之不恤也、後數載、余徙家南歸、不到龍城、若千年矣、今春、將命北使、道經龍城、諸公辱餞于宣撫衙、畢、召在城女樂、少姬數十、並不識名面、迭起、欲舞、經聞琴聲清越、迥異、特曲心異之、視其人、顏瘦神枯、面黑色如鬼、衣服並粗布、敗灰色多白補、



默坐席末、不言亦不笑、其狀殆不堪者、不復知為
誰何、惟於聲樂中、似曾相識、惻然于心、靡散質之
樂人、即其人也、嗟乎、是人何至此耶、俯仰徘徊、不
勝今昔之感、人生百年、榮辱哀樂、其可量耶、俯仰
別後、一路上深有感焉、因歌以托興、

龍城佳人、姓氏不記清、獨拉阮琴、舉城之人以琴
名、學得先朝宮中供奉曲、自是天上人間第一聲、
余在少時曾一見、鑑湖湖邊夜開宴、其時三七正
芳年、紅妝掩暎桃花面、酡顏慙慙最宜人、歷亂五

6
聲隨手變、緩如踈鳳^風度松林、清如雙鶴鳴在陰、烈
如爲福碑頭碎、霹靂、哀如莊、病中爲越吟、聽者
靡々不知倦、盡是中和數大音、西山諸臣滿坐盡
顛倒、徹祖追歡不知飽、左拋右擲爭纏頭、泥土金
錢、珠草草、豪華意氣陵王侯、五陵少年不足道、关
將三十六宮春、活做長安無價寶、此席回頭二十
年、西山敗後余南遷、咫尺龍城不復見、何況城中
歌舞筵、宣撫使君爲余重買笑、席中歌妓^妓皆年少
席末一人髮半華、顏瘦神枯形畧小、狼藉殘眉不

飭粧誰知就是當時城中第一妙、舊曲散、暗淚
垂、^耳目中靜聽心中悲、猛然憶起二十年前事、鑑湖
席中曾見之、城郭推移人事改、幾處桑田變滄海、
西山一時功業盡消亡、歌舞室遺一人在、瞬息百
年能幾時、傷心往事泪霑霑、^衣南河歸來頭盡白、惟
底佳人顏色衰、隻眼澄澄空想像、可憐對面不
相知

昇隆二首

傘嶺瀝江歲歲同、白頭猶得見昇隆、十年巨室成

官道一片新城沒故宮、相識美人看抱子、同游俠
少盡成翁、關心一宿苦無睡、短笛散、明月中古
時、明月照新城、猶是昇隆舊帝京、衢巷四開迷舊
跡、管絃一變謀新散、千年富貴供爭奪、早歲親朋
半死生、也世事浮沉休歎息、自家頭亦白星星、

遇家弟舊歌姬

繁華人物亂來非、玄宦歸來幾個知、紅袖曾聞歌
筵轉、白頭相見哭流離、覆盆已矣難收水、斷藕傷
哉未絕絲、見說嫁人已三子、可憐猶去著時衣、



鬼門開

連峯高插八青雲、南北開頭就此分、如此有名生
死地、可憐無數去來人、塞途叢莽藏蛇虎、布野烟
嵐聚鬼神、終古寒風吹白骨、奇功何取漢將軍、

諒城道中

群峯湧浪石鳴濤、蛟有禹宮鵬有巢、泉水合流江
水濶、子山不及母山高、闔城雲石夕相候、鴻嶺親
明日漸遙、怪得柔情輕割斷、篋中携有筆如刀、
夾城馬伏波廟、